

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11 – 04 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Kinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình

2 Ông Võ Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Giàu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lâm Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 04 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 34/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:12/2024/QĐXX-ST ngày 25 tháng 03 năm 2024 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Hồng L - Sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh P – sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày: vào năm 2005, ông P và bà L có thời gian tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện sau đó tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang ngày 16/8/2005. Ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là bất đồng quan điểm, không hợp về tính tình, không quan tâm gia đình, ông P thường xuyên cờ bạc và hay ghen .. dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, bà đã nhiều lần khuyên can nhưng không được. Sau đó thì bà L và ông P sống ly thân một thời gian cho đến nay.

Nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không P được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Có 01 con chung là Huỳnh Thị Hồng T (n ữ); sinh ngày 23/11/2005, hiện cháu đã thành niên nên bà L không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn trình bày thống nhất với ý kiến của bà L về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Hiện nay ông còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn, đề nghị tạo điều kiện cho ông bà hàn gắn.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích của đương sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Hồng L được ly hôn với ông Nguyễn Thanh P

2. Về con chung: Đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa ông P, bà L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, ông bà phát sinh mâu thuẫn nên bà L nộp đơn yêu cầu ly hôn. Xét đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án: Giữa Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện chung sống với nhau, tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện vào năm 2005, có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C ngày 16/8/2005 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà L cho rằng ông P không quan tâm gia đình, bất đồng quan điểm, chồng hay ghen tuông, cờ bạc.... mặc dù bà đã nhiều lần khuyên can nhưng ông P không thay đổi nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung; bà cũng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không được, Bị đơn cho rằng còn tình cảm với bà L nên không đồng ý ly hôn nhưng từ khi phát mâu thuẫn cho đến nay không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cả ông bà đều được Hội đồng xét xử giải thích, đông viên nhiều lần để hàn gắn nhưng không được, quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà L cương quyết xin ly hôn và không muốn hàn gắn. Từ đó, cho thấy

mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng giữa bà và ông P là thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

[4] Về con chung: Đã thành niên nên không giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: các bên không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa và yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Hồng L được ly hôn với ông Nguyễn Thanh P

2. Về con chung: Đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà L phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002867 ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành thành án phí (bà L đã nộp xong).

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CCTHADS h.Châu Thành;
- VKSND h.Châu Thành;
- UBND xã Đông Phước A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Kính